

BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN  
CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN  
CÁC DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ  
NĂM 2006

SCIENCE  BOOKS

DI SẢN BẢO TỒN

**VŨ HỘI TRỐNG  
Ở XÃ KHÁNH TIỀN**

(HUYỆN YÊN KHÁNH - TỈNH NINH BÌNH)

SỞ VĂN HOÁ - THÔNG TIN NINH BÌNH

*Thực hiện - 2006*

V.550 H  
BỘ VĂN HOÁ - THÔNG TIN

CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN  
CÁC DI SẢN VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ  
NĂM 2006

\*\*\*\*\*  \*\*\*\*\*

DI SẢN BẢO TỒN

**VŨ HỘI TRÔNG**  
**Ở XÃ KHÁNH TIÊN**  
(HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH)



SỞ VĂN HOÁ - THÔNG TIN NINH BÌNH  
*Thực hiện- 2006*

## **I- VÙNG QUÊ KHÁNH TIỀN VÀ TRUYỀN THỐNG VĂN HOÁ - VĂN NGHỆ**

### **I.1. Sơ bộ về vùng quê Khánh Tiên.**

Khánh Tiên là một xã ở về phía bắc huyện Yên Khánh - tỉnh Ninh Bình. Địa phận Khánh Tiên liền kề với ngã ba sông Độc Bộ, một địa danh nổi tiếng từ xa xưa, là nơi gặp nhau của hai dòng sông, là sông Đào và sông Đáy.

Về phía bắc, xã Khánh Tiên tiếp giáp huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Phía nam: giáp với xã Khánh Thiện (cùng huyện).

Phía đông: giáp với huyện Nghĩa Hưng (tỉnh Nam Định).

Phía tây: giáp với xã Khánh Lợi (cùng huyện)

Cái tên xã là Khánh Tiên có từ năm 1956, sau cải cách ruộng đất (đợt 6 ở Ninh Bình) trên cơ sở chia tách từ một xã lớn là Khánh Thiện thành bốn xã mới, gồm: Khánh Tiên, Khánh Thiện, Khánh Lợi, Khánh Công.

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, địa bàn này đã qua 5 lần thay đổi địa giới, địa danh, do quá trình sáp nhập và chia tách, chuyển dịch địa giới hành chính xã. Cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Tháng 2- 1946, hợp nhất làng Phùng Thiện với làng Hiếu Thiện thành xã Phùng Thiện. Lại hợp nhất làng Tiền Tiến làng Tiên Yên, làng Phong An thành xã Tiền Phong.

- *Lần thứ hai:* Tháng 4-1949, xã Tiền Phong hợp nhất với các xã Phùng Thiện, Văn Thịnh... thành xã lớn Khánh Thiện. Đó là thời kỳ mà toàn huyện Yên Khánh chỉ có 7 xã, do hợp nhất nhiều xã lại thành các xã: Khánh Hoà, Khánh Vân, Khánh Ninh, Khánh Hội, Khánh Thiện, Khánh Trung, Khánh Thịnh.

- *Lần thứ ba:* Năm 1956, sau khi đợt cải cách ruộng đất tạm xong, xã Khánh Tiên được chia tách từ xã Khánh Thiện có quy mô lớn thành 4 xã (Khánh Tiên, Khánh Thiện, Khánh Lợi, Khánh Công).

- *Lần thứ tư*: Sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, tỉnh Ninh Bình sáp nhập với tỉnh Nam Hà thành tỉnh Hà Nam Ninh. 9 xã phía bắc huyện Yên Khánh, trong đó có xã Khánh Tiên sáp nhập vào huyện Yên Mô thành huyện Tam Điệp. 10 xã phía nam huyện Yên Khánh sáp nhập vào huyện Kim Sơn.

Riêng 2 xã Khánh Tiên, Khánh Thiện thuộc huyện Tam Điệp khi ấy được ghép lại thành một xã lấy tên là Khánh Thiện.

- *Lần thứ năm*: Sau khi tỉnh Ninh Bình được tái lập (chia tách ra từ tỉnh Hà Nam Ninh cũ), ngày 1/9/1994, huyện Yên Khánh được tái lập. Xã Khánh Thiện được chia tách thành hai xã: Khánh Thiện và Khánh Tiên như hiện nay.

- Sự biến đổi về địa giới qua năm lần tách ra, nhập vào của xã Khánh Tiên bây giờ đã tác động làm cho tâm lý nhân dân, cơ sở hạ tầng ở các thôn xóm bị ảnh hưởng, xáo trộn, mà cho đến nay mới đang dần được ổn định và từng bước phát triển theo hướng xây dựng nông thôn mới.

- Địa bàn xã Khánh Tiên xưa kia gồm hai làng có quy mô khá lớn là: làng Phùng Thiện và làng Tiền Tiến.

Ngày nay, trên cơ sở hai làng này, đã hình thành nên 10 thôn, có tên gọi là: thôn 1, thôn 2... thôn 10. Trong đó, làng Phùng Thiện bao gồm 7 thôn (xóm), làng Tiền Tiến bao gồm 3 thôn (xóm).

Xã Khánh Tiên hiện có khoảng hơn một nghìn hộ (tính đến giữa năm 2006), với trên bốn nghìn nhân khẩu, gồm có 26 dòng họ cùng sinh sống từ lâu đời.

Hầu hết đồng bào cư trú trên địa bàn xã là người Kinh (Việt). Đại đa số những người dân ở đây theo tín ngưỡng Phật giáo, gọi là “đi lương”. Số đồng bào theo đạo Thiên chúa (Công giáo) ở đây chỉ chiếm khoảng 1%.

Xưa kia, ở mỗi làng (làng Phùng Thiện, làng Tiền Tiến) trong địa bàn tổng có một lý trưởng, một phó lý, một đội tuần (khoảng 10 người). Về sau, mỗi làng có một hội đồng tộc biểu, do các nhóm họ mạc cử người làm đại diện, đại biểu thuộc hội đồng. Đứng đầu là chánh hương hội, thứ đến là phó hương hội.

Khánh Tiên là xã thuộc vùng đồng bằng (gần phía cực nam đồng bằng Bắc Bộ), có ruộng đất khá màu mỡ, canh tác mỗi năm hai vụ lúa và trồng màu. Nơi đây là vùng đất đã từng sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hoá thiết yếu của huyện Yên Khánh. Trước kia, cả vùng đất này chính là vùng nghề dệt chiếu cói khá hưng thịnh, song từ vài ba thập kỷ trở lại đây thì nghề chiếu cói hầu như không phổ biến nữa, và hiện đã bị mai một...

Thời xa xưa, trước thời Hậu Lê, nơi đây còn là biển cả. Rồi do được bồi đắp phù sa, dần hình thành nên cả một vùng doi bãi, cỏ sậy rậm rạp. Được biết, tới đầu thế kỷ XV mới có người đến đây khai phá, mở mang rồi dần dần lập nên các xóm, thôn, làng. Buổi ban đầu, các cư dân nơi đây sinh sống bằng nghề chài lưới, đánh bắt thủy sản, về sau khi đất đai đã được nả mặn thì mới bắt đầu làm ruộng cấy lúa, trồng màu và chăn nuôi.

Vào thế kỷ XVII, thời Hậu Lê, vùng đất này có tên gọi là Bồng Hải thuộc tổng Duyên Mậu, gồm 5 thôn (thôn 1, thôn 2... thôn 5), với các phường: phường Cầu, phường Thái, Phùng Thị, Lữ Thượng, Lữ Hạ, phường Vệ, Đoài Hoa, phường Đông, Quả Triều, Quả Đại, Quy Hậu, Tây Phú, Đông Phú, Đồng Trung, Phù Xã, Quang Aì, Cồn Riêng, Cồn Giữa, Cồn Gai, Cồn Lâm.

Đến triều Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức, năm 1470, nhân dân đắp quay đê ngăn nước mặn là đê Ngự Hàn, còn gọi là đê Hồng Đức - chạy từ bến Xanh qua khu vực xã Khánh Tiên đến giáp xã Khánh Thành ngày nay.

### **I.2. Sơ bộ về truyền thống văn hoá - văn nghệ ở địa phương.**

Nhân dân xã Khánh Tiên xưa và nay sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, có truyền thống cần cù, chăm chỉ trong lao động sản xuất, lại có truyền thống rất hiếu học, với nhiều tên tuổi đỗ đạt cao qua các kỳ thi cử. Xưa kia, những người quê Khánh Tiên nổi tiếng học hành giỏi giang như các cụ: Hàn Ngoạn, Tú Tương, Huấn Chiếng, Cả Chi, Tú Lan, Tú Phấn, Tú Sách, Tú Bút, Huyện Chi; các cụ đỗ đạt cao như: cụ Nhì Phan, cụ Nhì Chính (đỗ thứ nhì trường), cụ Nhất Tề, cụ Nhất Miêng (đỗ đầu trường).

Thời nay, truyền thống hiếu học của người dân Khánh Tiên vẫn tiếp tục được phát huy. Hầu hết các thôn xóm trên địa bàn toàn xã đều có những

người có được học vị: kỹ sư, bác sĩ, cử nhân, hiện đã và đang công tác tại khắp nơi trong nước. Phong trào học tập của học sinh là con em của nhân dân xã Khánh Tiên vẫn luôn được cổ vũ và chăm lo.

Hàng năm, các chi hội khuyến học của từng thôn vẫn tổ chức lễ tuyên dương, khen thưởng cho các con em là học sinh đạt thành tích cao, và có sự hỗ trợ đối với những học sinh nghèo vượt khó.

Về những di tích lịch sử - văn hoá, trên địa bàn xã Khánh Tiên có các ngôi chùa cổ ở thôn 2, thôn 3, tọa lạc trên khoảng đất thuộc làng Phùng Thiện, đã được trùng tu, tôn tạo, phong cảnh đẹp để rất cổ kính, tôn nghiêm.

Ở làng Tiên Tiến có một ngôi đình quy mô khá lớn. Đình làng Tiên Tiến là nơi thờ tướng quân Triệu Quang Phục, thời xưa từng chiêu mộ binh sĩ chống giặc ngoại xâm phương Bắc tại địa phương này. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đình làng Tiên Tiến là một cơ sở hoạt động liên lạc của du kích địa phương. Năm 2002, đình làng Tiên Tiến đã được xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá cấp tỉnh. Hiện ngôi đình vẫn ở hiện trạng tốt, kiến trúc vững chãi, đảm bảo được nguyên vẹn quy mô, các sắc phong, đồ thờ, đồ tế lễ.

Hiện nay, hầu hết các thôn xóm thuộc xã Khánh Tiên đã xây dựng được nhà văn hoá, với nguồn kinh phí chủ yếu do nhân dân đóng góp và một phần do xã, huyện hỗ trợ. Thiết chế văn hoá mới này đã và đang thực sự phát huy được giá trị, công dụng. Đó là những nơi hội họp của các tổ chức đoàn thể và nhân dân, là nơi sinh hoạt văn hoá văn nghệ rất tiện lợi và hữu ích.

Hưởng ứng tích cực cuộc vận động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, một số thôn thuộc xã Khánh Tiên đã xây dựng xong hương ước, quy ước về thực hiện nếp sống văn hoá. Hương ước đã được phổ biến rộng rãi để mọi người dân tự giác thực hiện, đặc biệt là trong quá trình xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá. Hầu hết các hộ gia đình trên địa bàn xã đều đã đăng ký phấn đấu xây dựng gia đình văn hoá.

Đời sống kinh tế của nhân dân địa phương trong thời kỳ đổi mới hiện nay không ngừng được cải thiện. Đa số nhà ở của các hộ gia đình đều là nhà lợp ngói và nhà mái bằng kiên cố, số nhà tranh tre còn lại rất ít. Hệ thống đường liên thôn, ngõ, xóm đều đã được trải bê tông.

Riêng thôn Một đã được công nhận danh hiệu làng văn hoá cấp tỉnh từ năm 2003.

Vùng quê Khánh Tiên - cũng như các xã lân cận: Khánh Công, Khánh Thiện, Khánh Trung, Khánh Hồng, Khánh Lợi thuộc huyện Yên Khánh từ xa xưa đã từng là “đất chèo”, nghĩa là ở nơi đây nghệ thuật chèo đã phổ biến từ lâu đời.

Kể từ sau khi hoà bình được lập lại ở miền Bắc (1954) và trong suốt những năm tháng chống Mỹ cứu nước, phong trào hát và diễn chèo ở địa bàn tỉnh Ninh Bình nói chung, ở huyện Yên Khánh nói riêng, trong đó có các thôn làng thuộc xã Khánh Tiên khá phát triển và thịnh hành. Vào thời kỳ đó, các phường hội chèo của thôn làng dần dần hợp nhất thành các đội văn nghệ của hợp tác xã nông nghiệp mà nòng cốt là nghệ thuật chèo.

Hồi ấy, các đội văn nghệ của hợp tác xã nông nghiệp (những năm đầu, hợp tác xã có quy mô là một thôn, làng) đã được quy tụ lại bởi các hạt nhân văn nghệ địa phương, bao gồm những “con nhà nòi” cùng với những người vốn có năng khiếu ca hát và diễn xướng, đàn, trống sôỉ nôi, hăng hái tập luyện. Các diễn viên, nhạc công, vốn là xã viên, được hợp tác xã chi trả hỗ trợ bằng công điểm tựa như đối với lao động sản xuất nông nghiệp... Các khoản chi phí để mua sắm nhạc cụ, trang phục, phương tiện biểu diễn thì do hợp tác xã trích quỹ (bằng các sản phẩm: thóc, lợn, dê, bò...) để đầu tư trang bị.

Tại các buổi tập biểu diễn của các đội văn nghệ cũng được rất đông người dân tới xem và cổ vũ. Hàng năm, cứ vào dịp tết Nguyên đán, dịp đại hội xã viên hay là vào mỗi dịp thôn làng có sự kiện mừng vui thì không thể thiếu vắng chương trình biểu diễn của đội văn nghệ địa phương do chính những người làng biểu diễn. Các thiết bị, đạo cụ còn rất thô sơ: sơn phấn nhiều khi được tự tạo bằng những nguyên liệu sẵn có từ cuộc sống đời thường của người nông dân; ánh sáng thì bằng lửa củi, đèn bão, sau này có đèn măng sông. Nơi biểu diễn văn nghệ là sân đình, sân hợp tác xã hay “sân đội” (là nơi tập kết lúa khoai của đội sản xuất).

Ở những làng quê hàng năm có mở hội thì cứ vào những dịp hội làng (thường là vào mùa xuân), các đội văn nghệ có tiếng tăm trong vùng thường

được mời rước về để biểu diễn những trích đoạn chèo cổ, những hoạt cảnh chèo hay vở chèo ngắn có đề tài đương đại, biểu diễn ngay tại sân đình để “vừa là thử thách, vừa là vui xuân”...

Vào những dịp vui trong năm, đã từ lâu nay, ở xã Khánh Tiên không chỉ có nghệ thuật chèo mà còn có những tiết mục văn nghệ đặc sắc khác, đặc biệt là múa trống, gọi là “vũ hội trống”.



## **II. NGUỒN GỐC VÀ SỰ LƯU TỒN CỦA VŨ HỘI TRỐNG Ở KHÁNH TIỀN.**

### **II.1. Sơ bộ về nhạc cụ trống và tục đánh trống ở Việt Nam.**

Về nguồn gốc cổ xưa của các loại trống ở Việt Nam, nói chung cho đến nay vẫn chưa có tài liệu nghiên cứu nào xác định cụ thể, rằng trống và tục đánh trống có từ bao giờ và ở đâu.

**II.1.1.** Từ thời Hùng Vương, nước Văn Lang đã có trống đồng (là loại trống được chế tác bằng chất liệu kim loại đồng). Trên mặt trống đồng Đông Sơn, trống đồng Ngọc Lũ, là sản phẩm của nền văn hoá Đông Sơn có các hình ảnh chim lạc được xem là vật tổ của những cư dân Lạc Việt, hình tượng mặt trời, những cảnh tượng chèo thuyền, đánh trống (dùng chày để đánh trống tựa như là giã gạo tập thể bằng chày đứng).

Ngày nay, trống đồng được xem như là một biểu tượng sinh động của văn hoá Việt Nam, đã có từ thuở Hùng Vương dựng nước.

Tuy vậy, theo suy đoán của các nhà khoa học thì tiền thân của trống đồng chắc hẳn không phải là... trống đồng.

Trước thời kỳ đồ đồng, nhân loại đã trải qua thời kỳ đồ đá dài lâu (qua suốt thời kỳ đồ đá cũ và thời kỳ đồ đá mới).

Trong những hang động từng là nơi cư trú của những cộng đồng người nguyên thủy từ xa xưa - mà nay vẫn còn được lưu tồn không phải là hiếm - vẫn có biết bao nhiêu những khối đá nhũ với nhiều hình vẽ mà khi người ta gõ vào thì những khối đá nhũ ấy sẽ phát ra những âm thanh vang vọng ly kỳ, trầm bổng và lý thú. Khi gõ vào những khối đá thạch nhũ khác nhau sẽ tạo nên những âm thanh khác nhau ở âm lượng và cung bậc. Vậy phải chăng đó chính là những quả trống, nhạc cụ trống, chiêng bằng nhũ đá mà thiên nhiên tạo ra, ban tặng cho loài người, mà đó cũng chính là sự mách bảo để loài người mày mò, rồi chế tác ra các nhạc cụ đầu tiên, sơ khai của con người, trong đó có trống.

Vậy là: Trống đồng (làm bằng đồng thau...) được con người chế tác từ những buổi bình minh của lịch sử theo nguyên tắc gõ và theo nguyên lý từ

thiên nhiên là dụng cụ gõ phát ra âm vang từ đá - chủ yếu là đá nhũ trong các hang động. “Trống” bằng đá là sản phẩm của tự nhiên mà con người khám phá ra trên cơ sở “bắt chước tự nhiên” qua một tiến trình lịch sử rất lâu dài. Giữa thời kỳ trống đá và trống đồng đến nay vẫn chưa có di chỉ là “hiện vật trung gian”.

“Trống đá” vẫn còn biểu hiện trong các hang động đá vôi, trong đó có những hang động đã từng là ngôi nhà tự nhiên của người nguyên thủy.

Trống đồng đã từng bị vùi lấp trong lòng đất khắp vùng địa bàn có dân cư người Việt cổ sinh sống trong tầng văn hoá Đông Sơn với nhiều loại, có niên đại, kích cỡ khác nhau, trở thành biểu trưng của văn hoá Lạc Việt thật độc đáo, quý giá, có giá trị lịch sử văn hoá và là niềm tự hào của người Lạc Việt- Việt Nam.

Và sau này có trống mặt bằng da, thân (tang) bằng gỗ xuất hiện từ thời đại đồ sắt...

**II.1.2.** Từ thế kỷ X tại Kinh đô Hoa Lư (nay thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình) - Kinh đô của nước Đại Cồ Việt - quốc gia phong kiến tập quyền đầu tiên của dân tộc ta đã có “trống trận” và “trống hội” .

Theo sách **Đả cổ lục** (là sách cổ nói về phép/cách đánh trống thời xưa) thì phép/cách đánh trống của quân sỹ thời Đinh (Đinh Tiên Hoàng, cuối thế kỷ X) là theo nguyên lý “Cổ âm hoài thanh” (có nghĩa là mô phỏng tiếng và lời nói của người xưa bằng tiếng trống - N.Q.H), mà theo đó thì các âm thanh được thể hiện theo quy ước chung.

Về đại để, những âm thanh theo vần “bằng” (thanh không và thanh huyền) được thể hiện bằng cách gõ vào mặt trống, còn những âm thanh theo vần “trắc” gồm các thanh sắc, nặng, hỏi, ngã thì được thể hiện bằng cách gõ vào thân trống.

Cũng theo sách trên, vào thời Đinh (968-979) trong quân sỹ có bài trống biểu hiện như sau:

*“Nam binh sát bắc tướng, diệt bắc tướng.*

*Nam thiên sinh vương, Nam thiên sinh vương, thánh.*

*Thánh Đinh Vương sinh đế... ”*

Bài trống như trên được hiểu là lời hiệu triệu của triều đình với thần dân trong cả nước, qua đó khẳng định độc lập, chủ quyền và sự quyết tâm sắt đá chống ngoại xâm và ách thống trị của người phương Bắc.

Theo cụ An Viết Đàm (hiện đã 80 tuổi, nguyên là Phó Giám đốc Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Hà Nam Ninh, là một tác giả kịch bản sân khấu nổi tiếng ở Ninh Bình và trong cả nước) thì nếu phiên âm nội dung lời bài trống trên theo lối “tinh, tinh, tinh, chát” dân già truyền thống của nghệ thuật chèo thì sẽ là:

*“Tinh tinh, chát chát chát, bực chát chát.*

*Tinh tinh tinh tinh, tinh tinh tinh tinh, chát.*

*Chát tinh tinh chát”.*

Ở đây, tiếng “tinh” có thể phiên thành “bung” cho giống với tiếng trống con.

Tiếng “bực” chính là âm thanh trống khi người gõ vừa bịt mặt trống bằng một tay, vừa gõ trống.

Nếu lược bỏ đi những “hoa lá” thì điệu thức âm thanh trên chính là “đoạn lưu không tám” của âm nhạc chèo. Đây là mối liên hệ bằng chứng giữa một nét nghệ thuật âm thanh qua nhịp trống từ thời Đinh - thế kỷ X - với âm nhạc chèo truyền thống qua suốt mười thế kỷ.

Các loại trống có từ thời Đinh chắc chắn là trống da (mặt trống làm bằng da trâu, vỏ trống làm bằng gỗ). Vì cho đến thế kỷ X, đồ sắt ở nước Đại Việt đã khá phổ biến. Còn về nguyên liệu da trâu, thời Đinh không hiếm. Ngay bản thân vua Đinh thời niên thiếu cũng đã từng là một thủ lĩnh của đám trẻ chăn trâu, từng cưỡi trâu tập trận, lấy bông lau làm cờ.

**II.1.3.** Từ thuở xa xưa, các loại trống và tiếng trống đã trở nên rất cần thiết, hữu ích trong đời sống của con người.

Trong sinh hoạt, lao động sản xuất, học tập có trống cầm canh báo giờ. Trong lễ hội có trống lễ, trống rước. Trong biểu diễn văn nghệ có trống chèo, tuồng, châu văn. Trong chiến đấu có trống làm hiệu lệnh xuất quân, cổ vũ khí thế tiến công hoặc hiệu lệnh rút lui binh sĩ...

Để kỷ niệm một nghìn năm Thăng Long - Hà Nội, đã có chương trình “Trông hội Thăng Long” thật hoành tráng, náo nhiệt với một đội hình trông bề thế, đa dạng công phu. Ở Ninh Bình cũng đã có một đội hình “Trông hội Hoa Lư” thật ấn tượng, do Đoàn Nghệ thuật Ninh Bình đảm nhận.

## **II.2. Nguồn gốc của vũ hội trông ở Khánh Tiên.**

Hiện có những giả thuyết khác nhau về nguồn gốc của vũ hội với những vũ điệu trông ở xã Khánh Tiên.

Có giả thuyết cho rằng, cùng với nghệ thuật chèo thì các vũ điệu trông ở địa phương các thôn làng trên địa bàn xã Khánh Tiên cũng đã có từ thuở mới khai dân lập ấp, nghĩa là cách ngày nay đã 5 thế kỷ.

Năm Hồng Đức thứ 2 (1471), khi cả một vùng rộng lớn nơi đây là đất sa bồi, vua Lê Thánh Tông cho đắp đê từ cửa biển Đại Nha (thuộc xã Khánh Cường ngày nay) để ngăn nước mặn và khai khẩn đất đai. Tuy nhiên, từ thế kỷ X, ở địa bàn này trên các doi đất bồi theo hướng Đông - Tây đã có cư dân sinh sống.

Địa bàn huyện Yên Khánh, trong đó có xã Khánh Tiên từ xa xưa đã là một vùng đất “giao thoa” các luồng văn hoá của nhiều địa phương, một phần chính là do cư dân tới đây từ rất nhiều nơi. Kể từ sau khi khai hoang lập nên các xóm làng thì đây chính là một vùng đất “màu mỡ” hội tụ dân cày tứ xứ mà hun đúc nên những tinh hoa văn hoá - nghệ thuật và những nhân tài.

Đây cũng chính là vùng đất mà nghệ thuật chèo - loại hình nghệ thuật diễn xướng đặc trưng, tiêu biểu của cả khu vực đồng bằng và trung du Bắc Bộ của nước ta dựa trên cơ sở là một nền văn minh nông nghiệp lúa nước.

Một số người quê ở Khánh Tiên thì cho rằng: múa trông ở đây là “anh em sinh đôi” của loại hình múa lân (múa sư tử), cũng thường diễn ra vào những dịp hội hè từ xa xưa.

Cơ sở của suy đoán như trên là:

- Âm điệu của múa trông ở đây cũng là “tùng, chinh, chát”.
- Các loại trông ở đây là trông dùng trong nghệ thuật chèo.

- Kèm theo trống cũng là thanh la, sênh tiền và mõ.
- Mỗi đội múa trống cũng có vai hề tinh nghịch, vui nhộn, gây cười.
- Về trang phục của vũ hội trống: tựa như phục trang của các phường chèo, gánh hát xưa kia.

Vậy, nếu theo giả thuyết này thì vũ hội trống ở Khánh Tiên đã có nguồn gốc rất xa xưa, tựa như nguồn gốc của nghệ thuật chèo vậy.

Tuy nhiên, theo những người ở địa phương như: cụ Nguyễn Xuân Phụ (ở thôn 10), cụ Phạm Xuân Thuỷ (ở thôn 3) thì vũ hội trống ở Khánh Tiên chỉ mới có từ khoảng đầu những năm 1960.

Theo lời kể của các cụ thì vào thời kỳ đó, phong trào biểu diễn văn nghệ trong nhân dân địa phương đã thật sôi nổi. Đặc biệt là vào các dịp lễ, tết, mừng công, chào mừng đại hội xã viên hợp tác xã... Biểu diễn văn nghệ thời ấy chủ yếu là hát và diễn chèo, có thêm hát mới với những bài hát đương thời với nội dung ca ngợi đời sống mới cùng với những bài hát đã phổ biến từ thời kháng chiến chống Pháp. Về nghệ thuật sân khấu thì đã có biểu diễn kịch nói (gọi là kịch mới) với đề tài đương đại.

Riêng về biểu diễn múa trống thì được cho là được du nhập từ nơi khác đến. Theo hồi ức của các cụ thì vào đầu những năm 1960, có một cụ là người làng Tiên Tiến thuộc xã Khánh Tiên đã học được những bài múa trống từ vùng Nghĩa Hưng (Nam Định) hoặc từ vùng tỉnh Thái Bình (đều là từ phía bên kia sông Đáy) rồi trở về quê truyền dạy lại cho con cháu trong thôn làng biểu diễn trong các dịp hội lễ, mừng công. Vào hồi ấy, khi đội múa trống đã hình thành và biểu diễn ở địa phương, được sự giới thiệu, Ty Văn hoá Ninh Bình đã tập hợp cả đội trống lại, động viên tập luyện và tham gia hội diễn nghệ thuật quần chúng của tỉnh và đã đạt giải thưởng cao.

Cũng có ý kiến khác cho rằng: múa trống ở Khánh Tiên là có nguồn gốc từ bản địa.

Dù cho vũ hội trống ở một địa phương như Khánh Tiên có nguồn gốc từ bao giờ và từ nơi đâu (đã cách ngày nay mấy thế kỷ hay là chỉ mới mấy chục năm), được du nhập từ nơi khác đến hay vốn được hình thành nên từ chính nơi đây thì đó vẫn là một di sản nghệ thuật độc đáo và khá đặc sắc, và đã từng trải

qua những thời kỳ thăng trầm, biến cải.

Được biết, xưa kia vai diễn “trung tâm” của một đội múa trống ở Khánh Tiên là một cụ già (cũng có thể do một người trẻ tuổi hoá trang). Ngày nay thì vai diễn trung tâm (đảm nhận trống cái) là nữ. Đó phải chăng là sự “cải biên” sáng tạo.

### **II.3. Thời kỳ vũ hội trống Khánh Tiên bị mai một.**

Cũng như đối với nghệ thuật chèo, trong những năm tháng chiến tranh chống Mỹ, các phường, hội chèo chuyển thành các đội văn nghệ của hợp tác xã nông nghiệp (ban đầu HTX có quy mô thôn, làng, sau đó có quy mô liên thôn) thì hội múa trống ở địa phương Khánh Tiên cũng chuyển thành đội múa trống của làng. Tuy nhiên, nếu như hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp ở đây thời bấy giờ đều có đội văn nghệ mà hạt nhân là hát và diễn chèo thì cả vùng Khánh Tiên và hầu như cả huyện Yên Khánh và cả tỉnh nói chung mới có một đội múa trống như vậy.

Đội múa trống từ xưa đã là nơi quy tụ bởi các hạt nhân văn nghệ địa phương gồm những người đặc biệt có khiếu về vũ đạo. Và hầu như vũ hội trống ở Khánh Tiên thường chỉ biểu diễn ra mắt vào những dịp làng, xã có sự kiện lớn (như dịp đại hội, mít tinh, ra quân...).

Có một thời gian dài, hội múa trống ở Khánh Tiên đã từng bị mai một hầu như không còn gì.

Từ cuối những năm 1960, đầu những năm 1970 do chiến tranh ác liệt mà những sinh hoạt hội lễ nói chung không có điều kiện duy trì. Cũng như các hoạt động tế lễ, các hoạt động biểu diễn rước xách, múa lân, các hoạt động vui chơi giải trí như chọi gà, đấu vật, cờ người trong các lễ hội, vũ hội trống cũng từng nhiều năm vắng bóng.

Đến những năm cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX thì hầu hết tất cả các loại hình diễn xướng nghệ thuật dân gian truyền thống ở các làng quê dường như mai một hẳn. Ngay cả nghệ thuật chèo truyền thống là “đặc sản”, “đặc trưng” của vùng quê Bắc Bộ, vốn thân thuộc, lý thú từ bao đời nay mà đối với đông đảo nhân dân vẫn “tuy gần mà xa”, “nghe mà chẳng thấy”, vì có chăng họ chỉ

được nghe hát và diễn chèo trên loa truyền thanh Đài Tiếng nói Việt Nam (vào các buổi trưa và những buổi tối thứ 7 hàng tuần).

Trước hết, đó là do đời sống của nhân dân khi ấy gặp rất nhiều khó khăn mà trước hết là không đảm bảo về cái ăn, cái mặc thì lấy đâu ra công sức cho các nghệ sỹ thôn quê tập tành, biểu diễn văn nghệ, cũng như còn đâu nhu cầu, thời gian công sức để mà quan tâm, thưởng thức nghệ thuật của nhân dân, nhất là những người nông dân chân lấm tay bùn.

Về không gian quen thuộc cổ truyền của diễn xướng dân gian - lễ hội là các sân đình, đền, thời kỳ cuối thập kỷ 70 cho đến hết những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX đã không ngừng bị “tàn lụi”. Các ngôi đình ở các làng quê miền Bắc đã hàng loạt bị dỡ bỏ, hoặc bị “bỏ quên” mặc cho thời gian, mưa nắng huỷ hoại, khá “tang thương”, trở nên phế tích “vô hồn”, “vô cảm”. Thực tế này có nguyên nhân từ quan niệm thành kiến cho rằng các đình, chùa, miếu mạo chỉ là hiện thân của chế độ phong kiến cũ nát, lạc hậu, cổ hủ, mê tín dị đoan..., rằng đó là hiện thân của sự cản trở, không còn vai trò gì nữa, không còn cần thiết nữa.

Về thị hiếu nghệ thuật trong nhân dân, đối với các loại hình diễn xướng dân gian thời kỳ này dường như cũng không còn thực sự được hâm mộ bởi nhiều lý do.

Đối với lớp trẻ (thanh, thiếu niên) thì vốn không có ký ức về các trò diễn dân gian trong lễ hội hay những đêm xem diễn chèo ở làng quê mình, nơi chôn rau cắt rốn, lại được tuyên truyền giáo dục về ý tưởng động cơ duy ý chí là đời sống hiện tại và tương lai hầu như không còn chỗ dung nạp cho những “tàn dư” của chế độ xã hội cũ lạc hậu và cản trở. Do vậy, mà họ khá thờ ơ, bàng quan, xa lạ đối với những di sản văn hoá nghệ thuật cổ truyền của dân tộc, trong đó có các diễn xướng nghệ thuật dân gian.

Đối với lớp người già cả và trung niên thì trong tâm thức họ, những bầu không khí hội hè với những hội thức các trò diễn xướng dân gian xưa kia ấy chỉ là một “thời xa vắng”.

Một nguyên nhân nữa dẫn đến sự mai một, lảng xuống của diễn xướng dân gian nói chung trong thời kỳ này chính là sự phát triển của phương tiện thông tin đại chúng.

#### **II.4. Quá trình khôi phục vũ hội trống ở Khánh Tiên.**

Như trên đã khảo tả, sự mai một của diễn xướng dân gian nói chung ở địa phương, trong đó có diễn xướng vũ hội trống ở Khánh Tiên - huyện Yên Khánh từng một thời bị mai một do các nguyên nhân: đời sống kinh tế, cơ sở hạ tầng hay không gian diễn xướng, quan niệm và thị hiếu trong nhân dân...

Trước kia, từ những năm 1960 đến đầu những năm 1970, cả huyện Yên Khánh - đất chèo - có khoảng 35 hợp tác xã nông nghiệp thì cũng có khoảng chừng ấy đội văn nghệ chèo. Đến đầu những năm 1980 thì hầu như không còn lại đội văn nghệ nào. Sự mai một của một đội múa trống độc nhất vô nhị trên địa bàn huyện hồi đó cũng là dễ hiểu.

Trong những năm 1980, theo ông Nguyễn Ngọc Cẩn là Trưởng Phòng Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện Yên Khánh đã nhiều năm nay - kể lại, thì hồi ấy cứ mỗi dịp tỉnh (Hà Nam Ninh cũ) tổ chức hội diễn nghệ thuật quần chúng là mỗi lần cấp “văn hoá huyện” lo toát mồ hôi để chạy vay, gom góp từ khắp các đội văn nghệ vốn khá “chững chạc” của toàn huyện trước đó lại để chọn và lập nên một đội tuyển, rồi hối hả vội vã dàn dựng chương trình, tiết mục, với nội dung, loại hình nghệ thuật nào, bất kể là chèo hay cải lương hoặc kịch nói, ca nhạc. Xong hội diễn văn nghệ tỉnh rồi thì đội “hợp tuyển” ấy lại tan mất, mỗi người một phương với bao kẻ sinh nhai, kéo theo sự tan biến của chương trình, tiết mục. Đó là tình trạng chung của phong trào văn nghệ quần chúng ở địa phương. Thậm chí, hiệu quả thực sự của văn nghệ quần chúng ở địa phương (biểu diễn cho nhân dân xem và thưởng thức) có chăng chỉ là những “văn từ” trong các báo cáo của phòng Văn hoá - Thông tin huyện lên cấp trên.

Thế rồi, Nghị quyết TW5 (Khoá VIII) của Đảng ta về “xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc” đã như một luồng sinh khí mới thổi vào phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng các địa phương. Để thực hiện Nghị quyết TW5 sao cho từng bước hữu hiệu, cùng với



việc xây dựng và thực hiện quy ước về nếp sống văn hoá, quy ước về dân chủ thì phong trào văn nghệ quần chúng nói chung đã từng bước được khôi phục và phát triển ở khắp nơi, trong đó có địa bàn huyện Yên Khánh.

Chính quyền địa phương và đại biểu nhân dân đã bàn bạc trao đổi và thống nhất quan điểm: Văn nghệ quần chúng là do chính quần chúng nhân dân sáng tạo ra, do quần chúng nhân dân biểu diễn và cùng thưởng thức, và như vậy nó ắt phải được tồn tại, phát triển.

Có một sáng kiến đã được thực hiện thành công rất đáng ghi nhận ở huyện Yên Khánh là: tạo dựng nên những câu lạc bộ văn nghệ (mà hạt nhân là nghệ thuật chèo), thay thế những “đoàn, đội văn nghệ” trước kia. Đây là một lối đi, một cách thức khôi phục, chuyển đổi dạng thức mô hình của các “chiều chèo truyền thống” ở địa phương trong thời kỳ quá độ sang thời kinh tế thị trường, theo phương châm: xã hội hoá các hoạt động văn hoá - nghệ thuật, thực hiện nguyên tắc dân chủ; “Dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra”.

Trong xu thế, bối cảnh khôi phục, thành lập và ra mắt các đội văn nghệ ở dạng thức câu lạc bộ thì đội múa trống ở địa phương cũng đã được hình thành.

Hầu như cho tới nay thì cả xã Khánh Tiên cũng mới chỉ hình thành được một đội múa trống tương đối hoàn chỉnh.

Hạt nhân cơ bản ban đầu của đội múa trống chính là vài nghệ nhân đã luống tuổi rất tâm huyết với những vũ điệu trống đặc sắc này và đã từng tham gia múa trống trong những năm trước kia.

Cũng như đối với câu lạc bộ văn nghệ khác, “câu lạc bộ múa trống” này ban đầu hoạt động cũng gặp khá nhiều khó khăn vì: chưa được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân (các gia đình có người tham gia đội múa trống), lại không hề có sự hỗ trợ về kinh phí cho tập luyện, mua sắm nhạc cụ, trang phục. Điều đặc biệt nữa là đội múa trống này được thành lập bao gồm các thành viên hầu hết là phụ nữ.

Trong thời gian mấy năm đầu, đội múa trống xã Khánh Tiên hoạt động khá sôi nổi, đặc biệt là vào các dịp mừng công, hội lễ, mít tinh... Song, băng đi mấy năm, đội ngũ các chị em là thành viên của đội cứ “thưa dần”. Nguyên

nhân chủ yếu là do nhiều chị em đã “đi lấy chồng” ở địa phương khác, nên ít có điều kiện để trở về tham gia nữa. Mặt khác, có một số thành viên dần luống tuổi nên ít có điều kiện tham gia, trong khi đó thì lớp trẻ lại ít có điều kiện để kế cận, thay thế cho những vị trí thiếu vắng ấy.

Đặc biệt, đại đa số các thành viên của đội múa trống xã Khánh Tiên cũng đồng thời là thành viên trong đội văn nghệ của từng thôn, làng.

Để khôi phục và duy trì được đội múa trống của xã (gồm các thành viên ở các thôn làng) cũng chính là khôi phục, duy trì, phát huy vai trò của các câu lạc bộ văn nghệ ở nơi đây, cũng cần phải có những cách thức năng động, theo một quá trình nào đó cho phù hợp.

Ban đầu là sự gặp gỡ, bàn bạc giữa Phòng Văn hoá - Thông tin - Thể thao huyện Yên Khánh cùng với lãnh đạo địa phương xã, các trưởng thôn và những “hạt nhân” là người đã luống tuổi, đã từng tham gia đội trống của xã xưa kia, vẫn rất nhiệt tình say sưa với di sản nghệ thuật múa trống độc đáo này. Tiếp thời gian sau đó, khoảng năm 1996, đội múa trống xã Khánh Tiên được thành lập (nói đúng hơn là đội múa trống được khôi phục lại). Đội múa trống có quy ước hoạt động cụ thể, tựa như đối với một câu lạc bộ văn nghệ của địa phương - trên cơ sở bàn bạc, thoả thuận trên văn bản, được các thành viên ký xác nhận.

Sau thời gian luyện tập, khi đã thành thực, đội múa trống Khánh Tiên đã ra mắt biểu diễn vào các dịp tuyên truyền cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp ở địa phương, cổ vũ các cuộc vận động phong trào xoá đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bị bão lụt... đặc biệt là biểu diễn phục vụ nhân dân địa phương trong các dịp lễ hội, mít tinh. UBND xã cũng đã trích ngân sách chi phí giúp đội trống mua sắm trang phục, dàn trống mới và một phần kinh phí động viên toàn đội trong quá trình luyện tập và những buổi biểu diễn.

\* **Về đội hình:** Ngoài một nghệ nhân là nam giới đảm nhận vai trò đạo diễn hay “cầm nhịp” trong diễn xướng, thì hầu hết các thành viên đội múa trống đều là nữ, mà đa số là nữ thanh niên (có điều kiện về thời gian, sức khoẻ, hình thức...).

Số lượng của đội múa trống của xã hiện nay gồm khoảng 10 người. (Khi có điều kiện thì số lượng người có thể tăng lên).

Cụ thể các thành viên múa trống như sau:

- 01 người đánh trống cái. (Thường ở vị trí trung tâm cuộc múa)
- 04 người đánh trống nhỏ.
- 01 người đánh chiêng.
- 02 người đánh náo bạt (thanh la)
- 01 người đánh trống con.

**\* Về các đạo cụ của đội múa trống.**

- Trống cái là loại trống dân tộc cổ truyền, mặt trống làm bằng da trâu, thân trống (còn gọi là tang trống) làm bằng gỗ (chủ yếu là gỗ mít, phần lõi có màu vàng và rất bền), quanh thân trống có đai bằng một vòng đai bằng tre rất chặt và chắc chắn. Đường kính mặt trống khoảng 45 cm trở lên, trống cao chừng 60-70 cm. Thân trống cái và các loại trống nhỏ, trống con đều được sơn đỏ.

- Trống nhỏ: Cũng làm bằng các chất liệu như trên, song có kích thước nhỏ hơn trống cái. Đường kính mặt trống khoảng 27- 30 cm, cao 32 - 35 cm.

- Trống con: nhỏ hơn trống nhỏ (cũng làm bằng chất liệu trên). Mỗi trống đều được đánh biểu diễn bằng hai dùi trống làm bằng loại gỗ chắc, có kích thước phù hợp. Đầu các dùi trống (phần tiếp xúc với mặt trống khi gõ) được bọc bằng vải màu. Phần chuôi dùi trống thì có buộc các dải tua bằng vải màu sắc sỡ.

- Chiêng trong đội múa trống (một chiếc) vào cỡ khá lớn, là loại chiêng có núm.

- Náo bạt bằng đồng thau, gồm 2 chiếc.

- Mõ (một chiếc) phổ biến được làm bằng gốc tre già, đục rỗng, khá dân dã mà rất khéo léo.

**\* Về trang phục của đội múa trống.**



- Quần áo: Sắc sỡ, là quần áo lễ hội cổ truyền (như đôi với quần áo nữ trong các cuộc vui, có người gọi đó là quần áo “sĩ, tốt”). Áo màu đỏ, xanh, vàng, trắng, tím... Cổ áo, vạt áo, tà áo được may nếp chắc chắn, cổ áo hình trái tim được thêu khá cầu kỳ.

- Thắt lưng là một dải lụa dài may nếp, khác màu áo, múi thắt ở phía hông, bên trái.

- Khăn (đỏ, vàng, xanh...) chít có bờ múi ở giữa trên trán.

- Xà cạp quần từ đầu gối trở xuống.

- Giày vải sắc sỡ.

- Tóc búi sau gáy.

- Các thành viên (nữ) có trang điểm phấn son đẹp, đeo vòng xuyên các loại.

- Riêng người đánh mõ (gọi tắt là: mõ) thì được trang điểm sao cho khá ngộ nghĩnh nhằm thể hiện sự khôi hài tựa như vai hề chèo hoặc vai hề trong các cuộc múa lân. Thường là hai bên má to phấn đỏ, hình tròn, tô vẽ ria, nốt ruồi, vẽ mũi “quả quýt”. Vì múa trống ở đây chính là một hình thức diễn xướng vui nhộn, cổ động, náo nhiệt.

- Khi đội múa trống biểu diễn lưu động (biểu diễn trên đường đi, từ nơi này tới nơi khác) thì có một chiếc xe kéo để chuyên chở trống cái. Xe kéo này được bày trí màu sắc đẹp; người kéo xe cũng ăn vận trang phục lễ hội, còn người biểu diễn đánh trống thì đi bên cạnh trống để biểu diễn.

### **III. DIỄN TRÌNH CỦA MỘT CUỘC MÚA TRỐNG.**

Mỗi cuộc múa trống đều có sự chuẩn bị, tập luyện, tựa như các cuộc biểu diễn văn nghệ khác.

Trước khi tiến hành cuộc múa trống thì tất cả các thành viên trong đội múa trống được thông báo ít nhất từ vài hôm trước để chuẩn bị tham gia. Để chuẩn bị cho cuộc biểu diễn múa trống chính thức thì toàn đội múa trống tập trung để múa tập ít nhất là 2-3 lượt.

Sau khi đã múa tập, các thành viên bắt đầu vận trang phục và tự giúp nhau trang điểm, hoá trang.

Để bắt đầu cuộc múa trống, cả đội tập trung đầy đủ cùng các đạo cụ theo hiệu lệnh đã quy định trước của người chỉ huy (người này thường dùng trống con để rung hiệu lệnh và bắt nhịp).

#### **III.1. Diễn trình một cuộc múa trống trước kia.**

**Bài 1:** Một ông già mặc quần áo đỏ, đầu chít khăn điều đánh trống cái ở giữa sân khấu (ở ngoài trời thì trống cái này đặt giữa, chung quanh là các thành phần của đội trống). Trống cái đặt nằm ngang, phần tang trống - phía trên được trang trí bằng bông hoa lớn, tết bằng lụa hồng. Xưa kia, người sắm vai này rất nổi tiếng ở Khánh Tiên là cụ Sinh.

Bốn thiếu nữ tay múa vòng tròn, điều khiển trống con (trống con dài chừng 45cm, mặt trống chỉ khoảng trên 10cm vì hai đầu trống thon nhỏ), được buộc trước bụng bởi dải lụa.

Hai thiếu nữ đánh não bạt (gồm 2 chiếc- chũm chọe bằng đồng, hình dẹt như cái đĩa, có núm để cầm). Gồm 2 âm thanh “chập” và “cheng” (đánh não bạt chụm vào nhau hoặc đánh lướt qua tùy theo nhịp trống, nhịp múa). Các cô gái đánh trống vắn khăn, yếm đào, áo dài đỏ, thắt lưng. Các cô đánh não bạt cũng trang phục tương tự nhưng áo màu khác.

Một người đàn ông đánh mõ, trang phục: áo 5 vạt, chít khăn đầu dùi, thắt lưng bỏ múi bên hông.

Mở đầu tiết mục: một hồi trống (trống cái, não bặt, chiêm) vang lên đôi đáp “tùng... cheng... tùng... cheng...” ban đầu chậm, sau nhanh dần. Khi nhịp trống cái và não bặt dồn nhanh thì các cô gái từ hai phía chạy ra, hợp lại xen lẫn nhau thành hàng, lượn thành vòng tròn rồi tản ra hai bên.

Kết hồi trống là 3 tiếng “tùng - cheng”. Cả đội trống xếp thành hình chữ V chào khán giả (người đánh não bặt đứng ngoài cùng) hoặc có thể xếp thành hình tượng khác (theo đạo diễn). Đội hình múa trống luôn thay đổi, biến hoá tạo thành những hình tượng sinh động - theo chủ đề (vuông, tròn, hình chữ, chia tốp lẻ...) nhưng theo nguyên tắc: hai bên, mỗi bên có 2 trống con, một não bặt, có thể thêm 1 chiêm.

Ông già đánh trống cái ở giữa thì vừa đánh trống vừa múa dùi, nhảy xung quanh theo nhịp, lúc đánh trống ở phía trước, lúc lại đánh trống ở phía sau người (do quay người) khi đánh bên phải, khi bên trái, nhịp nhàng, khoẻ mạnh.

Người đánh mõ thì làm các điệu bộ hài hước, ngộ nghĩnh, nhảy múa, luồn tay dưới kheo đánh mõ, hoặc đánh mõ ở phía sau gáy (cúi người) hoặc đánh mõ bên sườn. Đôi lúc anh ta còn “chòng ghẹo” cô đánh trống hay cô đánh não bặt - đầy lạc quan trong không khí hội hè - dân gian, vui nhộn.

Điều đặc biệt ở múa trống Khánh Tiên là: nhịp lẻ (nhịp 7/4 - do 2 khuôn nhịp 4/4 và 3/4 hợp thành). Ngoài điệu chính cách còn có các điệu biến cách do ngẫu hứng của diễn viên - nghệ sỹ dân gian. Các điệu này phối hợp, xen kẽ tạo nên sự lạ tai, lạ mắt, người xem không chán.

**Bài 2:** Theo cụ Nguyễn Gia Sinh, nghệ nhân của điệu múa này cho biết (1994) thì đây là tiết mục được lưu truyền lại từ lâu đời. Đã hàng chục năm nay, cụ Sinh tuy tuổi già nhưng vẫn dạy con cháu. Năm 1979, cụ trực tiếp đánh trống cái cùng đội múa dự liên hoan nghệ thuật quần chúng do Bộ Văn hoá tổ chức tại Hà Bắc- tiết mục được thưởng Huy chương vàng. Ngày 19/5/1990, cụ đã dàn dựng cho lớp trẻ đội múa trống Khánh Tiên về Nam Định biểu diễn trong ngày hội văn hoá - thể thao dân tộc được người xem nhiệt liệt hoan nghênh.

Múa trống Khánh Tiên có một ông già đánh trống cái, mặc quần áo đỏ, khăn điều (có thể là nghệ nhân hoặc diễn viên cải trang). Chiếc trống cái đặt ở giữa sân khấu. Tang trống phía trên ở chính diện được trang trí bằng một bông hoa tết bằng một dải lụa hồng, có tua toả ra hai bên.

Điều khiển trống con là 4 thiếu nữ (tay múa vòng tròn nhỏ múa vào mặt trống). Trống con dài khoảng 45 cm, hai đầu thon nhỏ. Mặt trống đường kính 12 cm, có dải lụa buộc trước bụng. Hai thiếu nữ đánh não bẹt (còn gọi là chũm chọe), gồm 2 chiếc bằng đồng, hình dáng như cái đĩa, có núm để cầm, đường kính từ 35 - 40cm. Khi sử dụng, 2 tay cầm 2 chiếc đập vào nhau thành tiếng chập - nẩy đập lướt qua thì thành tiếng cheng.

Các cô thiếu nữ đầu vấn khăn, mặc yếm đào, áo dài đôi vai, thắt lưng mỏ bò mái, 4 cô đánh trống một màu, 2 cô đánh não bẹt màu khác.

Một anh đánh mõ mặc áo ngắn 5 vạt, chít khăn đầu dùi, thắt lưng mỏ mái cạnh sườn.

Mở đầu là một hồi trống và não bẹt (có thể thêm cheng) đánh đối đáp tùng cheng, tùng cheng từ chậm đến nhanh. Lúc này sân khấu mới có mình ông già đánh trống cái, khi nhịp trống và não bẹt dồn nhanh thì các cô gái từ hai bên chạy ra xen kẽ vào nhau, lượn thành vòng tròn rồi tản ra 2 bên. Kết hồi trống là 3 tiếng tùng, tùng, chen tiếng cheng cuối cùng, mọi người đã đứng theo hình chữ V (não bẹt ngoài cùng) và thành hình tượng để chào khán giả. Sau đó mới bắt đầu vào điệu múa.

Trong quá trình điệu múa diễn ra thì đội hình luôn được thay đổi. Từ chữ V đến vuông góc hay tròn hoặc cụm nhỏ... đều theo nguyên tắc cân đối mỗi bên 2 trống con và một não bẹt. Ông già đánh trống cái ở giữa thì vừa đánh vừa múa dùi nhảy xung quanh trống- lúc đánh trước mặt, lúc đánh sau lưng. Khi đánh bên phải, khi bên trái, với điệu bộ khoẻ mạnh nhịp nhàng rất đẹp mắt. Anh đánh mõ thì hài hước làm trò. Lúc nhảy một chân, 2 tay luôn xuống dưới kheo đánh mõ. Khi vẹo người đánh mõ bên sườn hoặc cúi đầu đánh mõ sau gáy. Anh ta luôn di động. Mồm, mắt tinh nghịch khi chòng cô đánh trống, lúc trêu cô não bẹt.

Cái hay cái đẹp của điệu múa trống Khánh Tiên là cùng với nhịp trống mõ não bạt, với phục trang rực rỡ và điệu bộ vui khoẻ, đã gây được không khí tung bừng phấn khởi, lạc quan yêu đời cho người xem.

Một điều đặc biệt nữa là ở các điệu trống khác như trống sư tử, trống ngũ liên, trống rước... đều là nhịp 2 hoặc nhịp 4, tức là nhịp chẵn. Nhưng ở nhịp trống Khánh Tiên lại là nhịp lẻ- nhịp 7/4, do 2 khuôn nhịp 4/4 và 3/4 hợp thành.

Nhịp trống có 1 kiểu chính cách và quá trình biểu diễn do không khí sôi động, do sự hưởng ứng của người xem khiến cho người diễn có sự hào hứng mà nảy sinh ra các điệu biến cách- các kiểu chính và biến cách xen kẽ vào nhau đã tạo nên sự mới lạ hấp dẫn cho người xem.

### **III.2. Diễn trình một cuộc múa trống hiện nay.**

- Đội múa trống dàn đội hình: theo hàng ngang (một hoặc hai hàng) hoặc theo hình chữ V, tùy theo không gian địa hình rộng hẹp cụ thể của nơi biểu diễn. Nhưng bao giờ người biểu diễn trống cái cũng ở vị trí giữa đội hình.

Người “chỉ huy” thì dùng trống con, ngồi ở bên ngoài đội hình này để ra hiệu và cầm nhịp.

- Mở đầu, người biểu diễn trống cái (là phụ nữ, diện mạo và trang phục thể hiện vẻ chủ soái), hai tay cầm hai dùi trống giơ lên trên đầu, múa uốn cổ tay như tạo ra bông hoa sắc sỡ biến hoá, vừa múa vừa lượn xung quanh trống. Trống cái này được đặt kê ở một vị trí cố định. Người này di chuyển xung quanh trống theo tư thế: lưng hướng về trống, mặt quay ra phía ngoài, dạo múa theo kiểu di chuyển xoay ngang.

Người này dừng lại bên trống, mặt hướng theo phía trước đội hình, đánh dạo một hồi trống dài, gọi là hồi trống dạo, theo lối cổ truyền (nhánh dân).

- Sau khi hồi trống dạo kết thúc, “chủ soái” di chuyển theo chiều ngược kim đồng hồ xung quanh trống, cũng là xoay quanh mình theo chiều ngược kim đồng hồ, vừa di chuyển vừa xoay, đồng thời theo mỗi nhịp bước xoay thì lại vung tay đánh một tiếng trống “tùng”. Do di chuyển xoay người quanh trống như vậy mà động tác tay trái đánh trống vung lên rồi đánh vào mặt trống



là vởi về phía sau, chỉ ít là chềch sau phía hông trái. Động tác vừa xoay người vừa đánh trống này đòi hỏi phải tập luyện công phu, người biểu diễn phải có bản lĩnh và đặc biệt cơ thể phải có độ dẻo dai tựa như một diễn viên múa hay vận động viên thể dục dụng cụ vậy. Cũng vì thế mà không phải thành viên nào trong đội múa trống cũng đảm đương được “vai trống cái” này.

- Tiếp đến, người sắm “vai trống cái” thực hiện động tác khó hơn nữa là: vừa xoay người di chuyển xung quanh trống, vừa nhún nhảy vừa đánh gạt chân ngang qua trên mặt trống trước khi ngoái lại để đánh một tiếng “tùng”. Cụ thể là: khi người này vừa quay mặt nhìn vào trống thì dậm chân phải làm trụ quay giro ngang chân trái quét về phía sau một vòng trên mặt trống. Khi chân trái gần chạm mặt đất thì tay trái đã vung lên. Khi chân trái chạm mặt đất cùng chân phải “ồn thể tấn” thì tay trái đã đánh gọn chắc một tiếng “tùng”.

Rồi, chân trái làm trụ, chân phải giro ngang, quét ngang trên mặt trống. Khi chân phải gần chạm mặt đất thì tay trái hạ xuôi xuống, tay phải vung lên. Khi chân phải chạm mặt đất cùng với chân trái “ồn thể tấn” thì tay phải đánh gọn chắc một tiếng “tùng”.

Thông thường màn trống này diễn ra xong khi người đánh trống đã quay xong ít nhất ba vòng xung quanh trống cái.

- Lại có một màn nhảy qua trống là:

Đứng trước trống, lấy chân trái làm trụ, giro cao chân phải lên, nhún bật chân trái, toàn thân nhảy qua trống. Khi chân phải chạm đất thì vung tay trái lên, người quay ngoắt lại, tay trái đánh một tiếng trống.

Người đánh trống xoay ngược lại rồi thực hiện động tác tương tự, nhưng đảo lại là: lấy chân phải làm trụ...

- Người đánh trống cái đứng nghiêm “định thân”, rồi rung trống thật giòn theo nhịp nhanh dần hoà cùng tiếng chiêng và não bạt phụ hoạ.

- Sau đó, não bạt và mõ tiến lên.

Hai người cầm não bạt bước lên phía trước, quay lại phía giữa đối xứng nhau, vừa múa (nhún nhảy) khi lấy chân trái làm trụ để bước cao chân phải,

bước tiếp theo thì ngược lại, mỗi nhịp nhún chân nọ, bước chân kia thì đánh một tiếng náo bạt.

- Mỗ bước lên từ một phía đội hình. Mỗ vừa đi nhún phải, nhún trái vừa gõ. Người biểu diễn mỗ được hoá trang ngộ nghĩnh, thể hiện những động tác vui nhộn, biểu hiện gây cười bằng cách “đánh vênh mặt”, nhếch mép, cười hề. Sau rồi, mỗ biểu diễn vài vòng xung quanh trống cái.

Lúc này, mỗ biểu diễn từ phía bên phải sang phía bên trái, xong thì ngược lại, theo nhịp điệu chung của cả “giàn”, người đánh mỗ cứ một tiếng mỗ gõ từ phía trước thì lại đưa mỗ ra phía sau gõ một tiếng, rồi lại đưa mỗ sang phía bên hông trái gõ một tiếng, rồi lại đưa mỗ sang phía bên hông phải gõ một tiếng, theo nhịp “tùng, cheng, cóc, tùng, tùng, cheng, cóc...”. Sau đó, người đánh mỗ lấy một chân làm trụ, chân kia bước cao, hai tay đánh mỗ ở dưới đầu gối chân bước cao, kết hợp với sự ngoảnh mặt sang phía bên kia. Cứ thế.

- Hai người đánh náo bạt dâng lên phía trước, cùng đánh nhịp theo điệu trống đã được quy định, vừa gõ náo bạt vừa nhún nhảy ra ý hưởng ứng, phối hợp.

- Cả đội múa trống dàn đội hình thành hai hàng. Giữa hàng trên là trống cái. Người đánh mỗ di chuyển lên phía trước, múa nhịp, di chuyển theo bốn phương: lên, xuống, phải, trái (lặp đi lặp lại khoảng 3-5 lần), người gõ mỗ kết hợp di chuyển kiểu “nhảy lò cò” với dáng vẻ rất tinh nghịch.

- Mỗ lùi xuống, ngang với trống cái, gõ và nhún như trước.

- Bốn trống nhỏ vừa gõ vang, vừa nhún chéo phải, chéo trái.

- Hai náo bạt (sênh) nhảy nhún theo lối di chuyển “hình sóng” xen lẫn với bốn trống nhỏ (nhún tại chỗ), vừa di chuyển vừa nhún bước theo nhịp.:

*Chinh, chinh, chinh, chinh. Tùng.*

*Tùng, tùng, tùng, tùng.*

*Chinh, chinh, chinh, chinh. Tùng.*

*Cắc, các. Tùng, tùng, tùng.*

(Tiếng “cắc, cắc” là do người đánh trống cái gõ vào thân trống tạo nên).

- Chiêng, trống, não bạt dàn thành hàng đôi (trống cái ở vị trí giữa) mỗi người đều gõ chiêng hay trống, vừa xoay vòng tròn - theo chiều ngược chiều kim đồng hồ, từ phải sang trái rồi đổi chỗ cho nhau theo cách “xen kẽ”.

- Một hồi trống cái nổi lên (cũng theo điệu nhanh dần).

- Khi đang có hồi trống, mỗ tiến lên làm trò, cũng theo kiểu: nhún bên phải, nhún bên trái, biểu diễn một vòng tròn, hoặc từ trái sang phải rồi ngược lại.

- Trống cái, trống con cùng rung lên một hồi. Các nhân vật nhún người chào khán giả. Kết thúc tiết mục múa trống.

\*

\*            \*

Khi đội múa trống biểu diễn lưu động (tức là vừa đi diễu hành vừa biểu diễn) thì các thành viên biểu diễn tự do, nói chung là theo kiểu nhảy nhún quay phải, quay trái (không xoay vòng tròn được) và có đổi chỗ cho nhau. Riêng trống cái thì được đặt trên xe kéo (trước kia là do hai người khiêng) nên người đánh trống cái vừa đi vừa thao tác theo nhịp.

Tuy nhiên, trình thức một cuộc múa trống như trên cũng không hẳn là cố định, bất biến, mà trong thực tiễn có thay đổi, biến hoá, tùy theo sự sáng tạo của đạo diễn. Mỗi một trình thức múa trống dân gian này là “một bài diễn”, “một tác phẩm” luôn được gạn lọc, bổ sung, thay đổi để đáp ứng nhu cầu thưởng thức của quần chúng nhân dân.

## **THAY LỜI KẾT**

Để bảo tồn, duy trì được tiết mục diễn xướng múa trống như ở Khánh Tiên cần có những điều kiện như sau:

- 1- Có sự động viên khích lệ của quần chúng nhân dân, có sự quan tâm động viên của chính quyền địa phương và ngành Văn hoá - Thông tin.
- 2- Có sự động viên hiệu quả bằng tinh thần và có chi phí cho hoạt động.
- 3- Trong những dịp hội lễ, các chương trình văn nghệ cổ động cần có sự chú ý khuyến khích, tạo dựng, cổ vũ loại hình này.
- 4- Cần có chính sách ưu đãi đối với các thành viên, đặc biệt là các nghệ nhân, các hạt nhân của đội múa trống dân gian.

## NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP TƯ LIỆU

1- CỤ NGUYỄN XUÂN PHỤ - Thôn 10, xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

2- ÔNG PHẠM XUÂN THUY - Thôn 3, xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3- ÔNG NGUYỄN VĂN SƠN - Thôn 1, xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

## NHỮNG NGƯỜI THỂ HIỆN

**ĐỘI MÚA TRỐNG XÃ KHÁNH TIÊN**

Huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình

## NGƯỜI KHẢO TẢ

**NGUYỄN QUANG HẢI** - Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Sở Văn hoá Thông tin Ninh Bình.

*Ninh Bình, tháng            năm 2006*

**Cơ quan quản lý dự án**

**Cơ quan thực hiện**

**VIỆN VĂN HOÁ - THÔNG TIN**  
(Bộ Văn hoá - Thông tin)

**SỞ VĂN HOÁ - THÔNG TIN NINH BÌNH**

